TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 1 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 1
PHIẾU SỐ 47

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Có bao nhiêu số lớn hơn 0 và bé hơn 10?

A. 8 **B.** 9 **C.** 10 **D.** 7

Câu 2. Phép tính nào có kết quả bé nhất?

A. 3 − 1 **B.** 1 − 0 **C.** 7 + 1 **D.** 8 − 8

Câu 3. Hình nào dưới đây là hình chữ nhật?

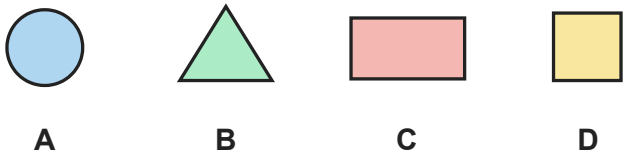

A. Hình A **B.** Hình B **C.** Hình C **D.** Hình D

Câu 4. Đồ vật nào dưới đây có dạng khối lập phương?

A. hộp sữa giấy **B.** con xúc xắc **C.** hộp bút **D.** tủ lạnh

Câu 5. Kết quả của phép tính 2 + 0 là:

A. 2 **B.** 0 **C.** 3 **D.** 1

Câu 6. Số 8 gồm 7 và mấy?

A. 0 **B.** 4 **C.** 3 **D.** 1

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Tính:

a) 2 + 4 − 1 = ……

b) 4 + 3 − 4 = ……

c) 9 − 6 − 2 = ……

d) 1 + 7 − 4 = ……

Bài 2. Cho các số: 3, 4, 6, 2, 5.

a) Số lớn nhất là: ……

b) Số bé nhất là: ……

Bài 3. Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5 …… 8

b) 3 − 2 …… 0

c) 0 …… 6 − 6

d) 2 + 4 …… 6

Bài 4. Số? Viết số thích hợp vào ô trống theo chiều mũi tên.



a) Ô thứ nhất: ……

b) Ô thứ hai: ……

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 0, 2, 4, 6, ……, ……

b) 10, 8, ……, 4, 2, ……

Bài 6. Dưới ao có 5 con vịt. Có thêm 1 con vịt xuống ao. Dưới ao có tất cả bao nhiêu con vịt? Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Trả lời: Có tất cả …… con vịt.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 1 · Phiếu số 47

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	C	B	A	D

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) $2 + 4 - 1 = 5$

b) $4 + 3 - 4 = 3$

c) $9 - 6 - 2 = 1$

d) $1 + 7 - 4 = 4$

Bài 2.

a) Số lớn nhất là 6.

b) Số bé nhất là 2.

Bài 3.

a) $5 < 8$

b) $3 - 2 > 0$

c) $0 = 6 - 6$

d) $2 + 4 = 6$

Bài 4.

$8 - 2 = 6$; $6 + 4 = 10$.

Bài 5.

a) 0, 2, 4, 6, 8, 10

b) 10, 8, 6, 4, 2, 0

Bài 6.

Phép tính: $5 + 1 = 6$ (hoặc $1 + 5 = 6$). Trả lời: 6 con vịt.